TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diện

2. Bà Khổng Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-DS, ngày 09/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phu Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Na Vang, xã Pờ Ly Ngài, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đào Trung H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Tân Mỹ, xã Việt Vinh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phu Thị T trình bày: Chị và anh Đào Trung H tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa

phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh G vào ngày 23/12/2016 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị cùng anh H về nhà chồng tại thôn M, xã V, huyện Q để sinh sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng, nên tháng 10/2017 chị đã bỏ đi làm ăn xa và anh chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Chị T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh H có ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T và gửi văn bản cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo về cho Tòa án. Tòa án triệu tập bị đơn là anh Đào Trung H nhiều lần nhưng anh Đào Trung H cố tình trốn tránh không đến Tòa án, không đến UBND xã để lấy lời khai và hòa giải. Do vậy căn cứ Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Đào Trung H xác nhận: lời khai của chị T về việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị T. Hiện nay chị T có yêu cầu xin ly hôn thì anh không nhất trí bởi chị T chưa trả lại tiền sính lễ cho gia đình anh.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị chưa có con chung nên chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 20/3/2019 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với ông Đào Minh T1 là bố đẻ của anh Đào Trung H; ông Hoàng Đức T2 là trưởng thôn M, xã V và đại diện UBND xã V nơi chị Phu Thị T và anh Đào Trung H sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Phu Thị T và anh Đào Trung H tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh G vào cuối năm 2016 trên cơ sở tự nguyện của cả

đôi bên. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh H tại thôn M, xã V, huyện Q, tỉnh G để sinh sống. Quá trình chung sống, anh chị có một thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 5/2017, mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh do thiếu thốn về kinh tế dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, hai bên gia đình hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau việc ai người đấy làm. Quá trình chung sống, anh chị chưa có con chung và không tạo lập được tài sản chung.

Tại phiên toà hôm nay, chị T cương quyết xin được ly hôn anh Đào Trung H còn anh Đào Trung H không nhất trí ly hôn vì chị T chưa trả tiền sính lễ lại cho gia đình anh; về con chung và tài sản chung chị T, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho chị Phu Thị T được ly hôn anh Đào Trung H; về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Phu Thị T có đơn khởi kiện ly hôn bị đơn là anh Đào Trung H, mà anh Đào Trung H cư trú tại thôn M, xã V, huyện Q, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết củaToà án nhân dân huyện Bắc Quang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phu Thị T và anh Đào Trung H có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2016 tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh G trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 5/2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai anh chị xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến giữa năm 2017 anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Lời trình bày của anh chị tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án qua phản ánh của bố đẻ anh H, trưởng thôn và đại diện chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy: hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phu Thị T được ly hôn anh Đào Trung H. Lý do anh H không nhất trí ly hôn chị T do chị T chưa trả lại tiền sính lễ cho gia đình anh là trái với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và công nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phu Thị T được ly hôn anh Đào Trung H.

2. Về án phí: Chị Phu Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0000641, ngày 10/12/2018.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã V (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh